

THÔNG TƯ
Quy định về nghiệp vụ thị trường mở

Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 09/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về nghiệp vụ thị trường mở.¹

¹ Thông tư số 09/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở (sau đây gọi là Thông tư số 42/2015/TT-NHNN).”

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc tổ chức thực hiện nghiệp vụ thị trường mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.
2. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân) và được Ngân hàng Nhà nước công nhận là thành viên nghiệp vụ thị trường mở (sau đây gọi tắt là thành viên).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nghiệp vụ thị trường mở là việc Ngân hàng Nhà nước thực hiện mua, bán giấy tờ có giá với các thành viên.
2. Mua có kỳ hạn là việc Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá và nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá từ thành viên, đồng thời thành viên cam kết sẽ mua lại giấy tờ có giá đó sau một thời gian nhất định.
3. Bán có kỳ hạn là việc Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho thành viên, đồng thời cam kết sẽ mua lại giấy tờ có giá đó sau một thời gian nhất định.
4. Mua hẳn là việc Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá và nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá từ thành viên, không kèm theo cam kết bán lại giấy tờ có giá.
5. Bán hẳn là việc Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho thành viên, không kèm theo cam kết mua lại giấy tờ có giá.
6. Đấu thầu khối lượng là việc xét thầu trên cơ sở khối lượng giấy tờ có giá dự thầu của các thành viên, khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước và lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo.
7. Đấu thầu lãi suất là việc xét thầu trên cơ sở lãi suất dự thầu, khối lượng giấy tờ có giá dự thầu của các thành viên và lãi suất xét thầu của Ngân hàng Nhà nước, khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước.
8. Phương thức xét thầu đơn giá là phương thức mà toàn bộ khối lượng trúng thầu được tính thống nhất theo một mức lãi suất trúng thầu.
9. Phương thức xét thầu đa giá là phương thức mà từng mức khối lượng trúng thầu được tính tương ứng với từng mức lãi suất dự thầu được xét là lãi suất trúng thầu.

10. Ngày thông báo là ngày Ngân hàng Nhà nước thông báo việc mua hoặc bán giấy tờ có giá.

11. Ngày đấu thầu là ngày Ngân hàng Nhà nước tổ chức đấu thầu, xét thầu, thông báo kết quả đấu thầu.

12. Ngày mua là ngày mà giấy tờ có giá được Bên bán chuyển quyền sở hữu cho Bên mua và Bên mua thanh toán tiền mua giấy tờ có giá cho Bên bán.

13. Ngày mua lại là ngày Bên mua thực hiện chuyển lại quyền sở hữu giấy tờ có giá đã mua (đối với giao dịch mua, bán có kỳ hạn) cho Bên bán và Bên bán thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá cho Bên mua theo giá mua lại.

14. Tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá với giá thanh toán (haircut) là tỷ lệ phần trăm chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá trong giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá và giá thanh toán giữa Ngân hàng Nhà nước với thành viên do Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

15. Tỷ lệ giao dịch của các loại giấy tờ có giá là tỷ lệ giá trị giao dịch (giá thanh toán giữa Ngân hàng Nhà nước với các thành viên) của các loại giấy tờ có giá tham gia giao dịch nghiệp vụ thị trường mở.

16. Thời hạn mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày mua đến ngày mua lại, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và được tính theo ngày.

17. Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá là khoảng thời gian tính từ ngày tổ chức phiên mua, bán đến ngày đến hạn thanh toán toàn bộ gốc của giấy tờ có giá đó.

Điều 4. Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở

1. Ban điều hành nghiệp vụ thị trường mở (sau đây gọi tắt là Ban điều hành) thay mặt Thống đốc Ngân hàng Nhà nước điều hành nghiệp vụ thị trường mở theo quy định tại Thông tư này. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định về việc thành lập và hoạt động của Ban điều hành.

2. Ban điều hành có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Điều hành nghiệp vụ thị trường mở;
- b) Quyết định định hướng điều hành nghiệp vụ thị trường mở trong từng thời kỳ;
- c) Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 5. Điều kiện đối với thành viên nghiệp vụ thị trường mở

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân) được công nhận là thành viên khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước.
2. Được Ngân hàng Nhà nước cấp mã ngân hàng.

Điều 6. Thủ tục công nhận thành viên nghiệp vụ thị trường mở

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu tham gia nghiệp vụ thị trường mở gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện Giấy đề nghị tham gia nghiệp vụ thị trường mở theo Phụ lục số 01/TTM đính kèm Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước để được xem xét cấp Giấy công nhận thành viên nghiệp vụ thị trường mở.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị tham gia nghiệp vụ thị trường mở của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp Giấy công nhận thành viên nghiệp vụ thị trường mở khi đủ điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này hoặc có văn bản trả lời cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nếu không đủ điều kiện.

3. Thủ tục công nhận lại thành viên đối với trường hợp thành viên đã chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư này được thực hiện như thủ tục công nhận thành viên lần đầu.

Điều 7. Chấm dứt tư cách thành viên

1. Thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên bị tự động chấm dứt tư cách thành viên khi thành viên bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản;

b) Khi tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên bị đóng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo về việc chấm dứt tư cách thành viên.

2. Thành viên có nhu cầu chấm dứt tư cách thành viên và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước trong các giao dịch nghiệp vụ thị trường mở, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện Giấy đề nghị chấm dứt tư cách thành viên theo Phụ lục số 02/TTM đính kèm Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị chấm dứt tư cách thành viên, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo về việc chấm dứt tư cách thành viên gửi cho thành viên.

3. Khi chấm dứt tư cách thành viên, Sở Giao dịch Ngân hàng nhà nước (sau đây gọi tắt là Sở Giao dịch) thông báo cho Cục Công nghệ tin học để thu hồi mã khóa truy cập và mã khóa ký chữ ký điện tử của thành viên.

Điều 8. Thẩm quyền ký trong giao dịch nghiệp vụ thị trường mở

1. Người có thẩm quyền thay mặt tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký các văn bản liên quan đến việc đề nghị công nhận, chấm dứt tư cách thành viên và văn bản liên quan đến việc thực hiện giao dịch nghiệp vụ thị trường mở với Ngân hàng Nhà nước là người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Giám đốc Sở Giao dịch là người có thẩm quyền (hoặc có thể uỷ quyền cho Phó Giám đốc Sở Giao dịch và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền này) ký các văn bản liên quan đến việc công nhận, chấm dứt tư cách thành viên và văn bản liên quan đến việc thực hiện giao dịch nghiệp vụ thị trường mở với thành viên.

Điều 9. Cấp mã khóa truy cập, mã khóa ký chữ ký điện tử và phân quyền cho thành viên

Khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được công nhận là thành viên, Ngân hàng Nhà nước cấp mã khóa truy cập, mã khóa ký chữ ký điện tử và phân quyền cho nhân sự tham gia giao dịch nghiệp vụ thị trường mở theo đề nghị của thành viên.

Việc cấp mã khóa truy cập, mã khóa ký chữ ký điện tử do Cục Công nghệ tin học thực hiện phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước. Việc phân quyền cho nhân sự tham gia giao dịch nghiệp vụ thị trường mở của thành viên do Sở Giao dịch thực hiện theo Quy trình nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 10. Giấy tờ có giá được giao dịch qua nghiệp vụ thị trường mở

1. Các loại giấy tờ có giá được Ngân hàng Nhà nước chấp nhận giao dịch nghiệp vụ thị trường mở phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có thể chuyển nhượng và nằm trong danh mục các loại giấy tờ có giá được giao dịch qua nghiệp vụ thị trường mở;

b) Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của thành viên;

c) Được phát hành bằng đồng Việt Nam;

d) Lưu ký trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước hoặc lưu ký tại tài khoản khách hàng của Ngân hàng Nhà nước tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam trước khi đăng ký bán giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước;

đ) Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá trong giao dịch mua, bán có kỳ hạn phải lớn hơn thời hạn giao dịch mua, bán có kỳ hạn theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước; Giấy tờ có giá chỉ được đăng ký bán trước ngày đăng ký cuối cùng thanh toán lãi và gốc giấy tờ có giá đáo hạn.

2. Danh mục các loại giấy tờ có giá được giao dịch nghiệp vụ thị trường mở, tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá với giá thanh toán do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 11. Phương thức mua hoặc bán giấy tờ có giá

1. Mua có kỳ hạn.

2. Bán có kỳ hạn.

3. Mua hần.

4. Bán hần.

Điều 12. Ngày giao dịch

Các giao dịch nghiệp vụ thị trường mở được thực hiện vào ngày làm việc. Trường hợp ngày mua lại hoặc ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá không trùng với ngày làm việc thì việc thanh toán và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá được thực hiện vào ngày làm việc liền kề tiếp theo và chỉ tính lãi theo thời hạn mua, bán.

Điều 13. Quy trình nghiệp vụ thị trường mở

1. Quy trình nghiệp vụ thị trường mở hướng dẫn các nội dung cơ bản sau:
 - a) Công nhận, chấm dứt tư cách thành viên nghiệp vụ thị trường mở;
 - b) Ngân hàng Nhà nước và thành viên ký, giao, nhận Hợp đồng khung mua/bán giấy tờ có giá;
 - c) Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thông báo mua, bán giấy tờ có giá;
 - d) Thành viên lưu ký giấy tờ có giá;
 - đ) Thành viên nộp đơn dự thầu;
 - e) Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch) tổ chức xét thầu;
 - g) Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thông báo kết quả đấu thầu;
 - h) Ngân hàng Nhà nước và thành viên ký, giao, nhận Hợp đồng cụ thể mua/bán có kỳ hạn giấy tờ có giá;
 - i) Thanh toán tiền và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá;
 - k) Xử lý trường hợp các thành viên không thanh toán hoặc không thực hiện theo đúng hợp đồng;
 - l) Xử lý các vấn đề khác.
2. Nội dung cụ thể của Quy trình nghiệp vụ thị trường mở do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 14. Phương thức đấu thầu

Nghiệp vụ thị trường mở được thực hiện thông qua phương thức đấu thầu khối lượng hoặc đấu thầu lãi suất. Căn cứ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước lựa chọn phương thức đấu thầu phù hợp.

1. Đấu thầu khối lượng

- a) Ngân hàng Nhà nước thông báo cho các thành viên mức lãi suất mua hoặc bán giấy tờ có giá;

b) Ngân hàng Nhà nước quyết định thông báo hoặc không thông báo khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước trong thông báo đấu thầu của từng phiên giao dịch nghiệp vụ thị trường mở;

c) Thành viên đăng ký dự thầu khối lượng các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc bán theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước thông báo;

d) Trường hợp tổng khối lượng dự thầu của các thành viên bằng hoặc thấp hơn khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước thì khối lượng trúng thầu bằng tổng khối lượng dự thầu của các thành viên và khối lượng trúng thầu của từng thành viên là khối lượng dự thầu của thành viên đó;

đ) Trường hợp tổng khối lượng dự thầu của các thành viên vượt quá khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước, thì khối lượng trúng thầu của từng thành viên được phân bổ theo tỷ lệ thuận với khối lượng dự thầu của từng thành viên và tương ứng với khối lượng giấy tờ có giá tính theo mệnh giá được làm tròn xuống theo bội số của mệnh giá giấy tờ có giá; khối lượng trúng thầu bằng tổng khối lượng trúng thầu của các thành viên và không vượt khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước;

e) Trường hợp tại đơn dự thầu của thành viên trúng thầu đăng ký nhiều loại giấy tờ có giá cần mua hoặc bán:

(i) Nếu không bao gồm các loại giấy tờ có giá mà Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ giao dịch tại mỗi phiên giao dịch nghiệp vụ thị trường mở, Ngân hàng Nhà nước xét thầu xác định thứ tự ưu tiên từng loại giấy tờ có giá như sau:

- Thời hạn còn lại của các giấy tờ có giá ngắn hơn;
- Giấy tờ có giá đăng ký bán hoặc mua có khối lượng lớn hơn;

(ii) Nếu bao gồm các loại giấy tờ có giá có quy định tỷ lệ giao dịch và các loại giấy tờ có giá không quy định tỷ lệ giao dịch, Ngân hàng Nhà nước xét thầu theo nguyên tắc tỷ lệ các loại giấy tờ có giá trúng thầu tương ứng với tỷ lệ giao dịch của các giấy tờ có giá đăng ký tại đơn dự thầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Việc xác định thứ tự ưu tiên xét thầu trong số giấy tờ có giá không quy định tỷ lệ giao dịch và giấy tờ có giá có quy định tỷ lệ giao dịch được thực hiện theo quy định tại tiết (i) điểm e khoản 1 Điều này.

2. Đấu thầu lãi suất

a) Ngân hàng Nhà nước quyết định thông báo hoặc không thông báo khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước trong thông báo đấu thầu của từng phiên giao dịch nghiệp vụ thị trường mở;

b) Ngân hàng Nhà nước quyết định việc áp dụng phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá;

c) Thành viên đăng ký dự thầu theo các mức lãi suất (tối đa là 3 mức lãi suất dự thầu đối với một kỳ hạn mua, bán giấy tờ có giá trong một đơn dự thầu) và khối lượng giấy tờ có giá cần mua, cần bán của thành viên tương ứng với các

mức lãi suất đó. Lãi suất dự thầu được tính theo tỷ lệ %/năm và được làm tròn đến 2 con số sau dấu phẩy;

d) Các đơn dự thầu của các thành viên được xếp theo thứ tự lãi suất dự thầu giảm dần trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá, hoặc lãi suất dự thầu tăng dần trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá;

đ) Ngân hàng nhà nước xét thầu theo thứ tự giảm dần từ lãi suất dự thầu cao nhất cho đến lãi suất dự thầu thấp nhất (trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá) hoặc xét thầu theo thứ tự tăng dần từ lãi suất dự thầu thấp nhất cho đến lãi suất dự thầu cao nhất (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá) trong phạm vi lãi suất xét thầu tối thiểu hoặc tối đa của Ngân hàng Nhà nước mà tại đó đạt được khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước:

(i) Đối với phương thức xét thầu đơn giá: Lãi suất trúng thầu là lãi suất dự thầu thấp nhất (trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá) hoặc lãi suất dự thầu cao nhất (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá) trong phạm vi lãi suất xét thầu tối thiểu hoặc tối đa của Ngân hàng Nhà nước mà tại đó đạt được khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Đối với phương thức xét thầu đa giá: Lãi suất trúng thầu của mỗi thành viên trúng thầu là các mức lãi suất dự thầu của thành viên đó;

e) Khối lượng trúng thầu của các thành viên là khối lượng của các mức dự thầu có lãi suất bằng và cao hơn mức lãi suất trúng thầu (trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá) hoặc có lãi suất dự thầu bằng và thấp hơn lãi suất trúng thầu (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá);

g) Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu, tổng khối lượng dự thầu của các thành viên vượt quá khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán còn lại của Ngân hàng Nhà nước, thì khối lượng trúng thầu của từng thành viên được phân bổ tỷ lệ thuận với khối lượng dự thầu của từng thành viên tại mức lãi suất trúng thầu và tương ứng với khối lượng giấy tờ có giá tính theo mệnh giá được làm tròn xuống theo bội số của mệnh giá giấy tờ có giá;

h) Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu của một thành viên có nhiều loại giấy tờ có giá cần mua hoặc bán, Ngân hàng Nhà nước xét thầu xác định theo thứ tự từng loại giấy tờ có giá như quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

3.² Đối với bán (phát hành) tín phiếu Ngân hàng Nhà nước qua nghiệp vụ thị trường mở, Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo phương thức đấu thầu lãi

² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 09/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có hiệu lực kể từ ngày 25/8/2021.

suất; Ngân hàng Nhà nước bán (phát hành) tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo phương thức đấu thầu khối lượng trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước cần thông báo lãi suất tín phiếu Ngân hàng Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ.

Điều 15. Thông báo mua, bán giấy tờ có giá³

1. Trước mỗi phiên đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở, Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch) thông báo mua hoặc bán giấy tờ có giá cho các thành viên. Đối với phiên bán (phát hành) tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, ngoài việc thông báo cho các thành viên, Sở giao dịch đăng tải thông báo bán (phát hành) tín phiếu Ngân hàng Nhà nước trên Cổng Thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước chậm nhất vào 13 giờ 30 phút ngày đấu thầu.

2. Nội dung thông báo cơ bản gồm:

- a) Ngày đấu thầu;
- b) Phương thức đấu thầu;
- c) Phương thức xét thầu;
- d) Phương thức mua, bán;
- đ) Khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán tính theo giá thanh toán hoặc tính theo mệnh giá (trừ trường hợp không thông báo trước khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước);
- e) Các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc bán;
- g) Tỷ lệ giao dịch của các loại giấy tờ có giá (trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua);
- h) Kỳ hạn của giấy tờ có giá;
- i) Ngày phát hành của giấy tờ có giá (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán);
- k) Phương thức thanh toán lãi của giấy tờ có giá (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán);
- l) Ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán);
- m) Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán);

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 09/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có hiệu lực kể từ ngày 25/8/2021.

n) Thời hạn mua, bán (số ngày);

o) Lãi suất Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi mua hoặc bán (trường hợp đấu thầu khối lượng);

p) Lãi suất phát hành trên thị trường sơ cấp của giấy tờ có giá (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán);

q) Thời gian nhận đơn dự thầu của thành viên;

r) Thời gian đóng thầu.

Điều 16. Đơn dự thầu của thành viên

1. Căn cứ thông báo mua, bán giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước, các thành viên nộp đơn dự thầu đăng ký mua hoặc bán giấy tờ có giá qua mạng máy vi tính kết nối với Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch), gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc bán;

b) Kỳ hạn của giấy tờ có giá;

c) Khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán tính theo giá thanh toán hoặc tính theo mệnh giá;

d) Các mức lãi suất dự thầu của từng loại giấy tờ có giá cần mua hoặc bán (trường hợp đấu thầu lãi suất);

đ) Ngày phát hành của giấy tờ có giá (trường hợp thành viên bán);

e) Phương thức thanh toán lãi của giấy tờ có giá (trường hợp thành viên bán);

g) Ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá (trường hợp thành viên bán);

h) Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (trường hợp thành viên bán);

i) Phương thức mua hoặc bán;

k) Thời hạn mua, bán (số ngày);

l) Lãi suất phát hành trên thị trường sơ cấp của giấy tờ có giá (trường hợp thành viên bán).

2. Trong thời gian nộp đơn dự thầu, thành viên có thể huỷ bỏ đơn dự thầu hoặc thay đổi đơn dự thầu cũ bằng đơn dự thầu mới.

3. Tổng khối lượng giấy tờ có giá đăng ký mua hoặc bán của một thành viên trong một đơn dự thầu tối thiểu là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Điều 17. Đơn dự thầu không hợp lệ

Đơn dự thầu của thành viên bị coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Chữ ký điện tử của người đại diện thành viên trong đơn dự thầu không đúng.
2. Đơn dự thầu đặt nhiều mức lãi suất hơn so với quy định.
3. Lãi suất dự thầu không làm tròn đến 2 con số sau dấu phẩy.
4. Tổng khối lượng giấy tờ có giá ghi trong một đơn dự thầu dưới một tỷ đồng.
5. Thành viên bán giấy tờ có giá mà không có, hoặc không đủ giấy tờ có giá lưu ký theo quy định.
6. Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá đăng ký bán ngắn hơn thời hạn mua, bán có kỳ hạn.
7. Giấy tờ có giá đăng ký bán không thuộc loại giấy tờ có giá Ngân hàng Nhà nước cần mua/bán hoặc giấy tờ có giá đăng ký bán sau ngày đăng ký cuối cùng thanh toán lãi, gốc giấy tờ có giá đáo hạn.
8. Tỷ lệ giao dịch của các loại giấy tờ có giá đăng ký không đúng theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước.
9. Khối lượng chi tiết của giấy tờ có giá mà các thành viên đăng ký bán không đúng với khối lượng chi tiết được lưu ký theo quy định điểm d khoản 1 Điều 10 Thông tư này (trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua).
10. Khối lượng dự thầu vượt quá khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước (trường hợp Ngân hàng Nhà nước thông báo khối lượng giấy tờ có giá cần mua hoặc bán của Ngân hàng Nhà nước).
11. Các nội dung trong đơn dự thầu không được điền theo đúng quy định tại Quy trình nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 18. Tổ chức xét thầu

1. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tổ chức xét thầu theo nội dung thông báo mua, bán giấy tờ có giá của từng phiên đấu thầu, quy định tại Thông tư này và Quy trình nghiệp vụ thị trường mở.
2. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) không thực hiện xét thầu đối với các đơn dự thầu không hợp lệ theo quy định tại Điều 17 và thông báo cho thành viên có đơn dự thầu không hợp lệ khi kết thúc phiên đấu thầu.

Điều 19. Xác định giá mua hoặc giá bán giấy tờ có giá

1. Trường hợp mua hoặc bán có kỳ hạn
 - 1.1. Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá
 - 1.1.1. Đối với giấy tờ có giá ngắn hạn:
 - a. Giấy tờ có giá ngắn hạn thanh toán lãi ngay khi phát hành:

$$G = \frac{MG}{\left(1 + \frac{L * t}{365}\right)}$$

Trong đó:

G: Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá

MG: Mệnh giá của giấy tờ có giá

L: Mức lãi suất theo phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu (%/năm)

t: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày).

b. Giấy tờ có giá ngắn hạn, thanh toán gốc, lãi một lần khi đến hạn:

$$G = \frac{GT}{\left(1 + \frac{L * t}{365}\right)}$$

Trong đó:

$$GT = MG * \left(1 + \frac{Ls * n}{365}\right)$$

G: Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá

GT: Giá trị của giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán bao gồm mệnh giá và tiền lãi

MG: Mệnh giá của giấy tờ có giá

L: Mức lãi suất theo phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu (%/năm)

t: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày)

Ls: Lãi suất phát hành của giấy tờ có giá (%/năm)

n: Kỳ hạn của giấy tờ có giá (số ngày).

1.1.2. Đối với giấy tờ có giá dài hạn:

a. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán lãi ngay khi phát hành:

$$G = \frac{MG}{(1 + L)^{t/365}}$$

Trong đó:

G: Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá

MG: Mệnh giá của giấy tờ có giá

L: Mức lãi suất theo phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu (%/năm)

t: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày).

b. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán gốc, lãi một lần khi đến hạn (lãi không nhập gốc):

$$G = \frac{GT}{\left(1 + \frac{L \cdot t}{365}\right)}$$

Trong đó:

$$GT = MG \cdot [1 + (Ls \cdot n)]$$

G: Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá

GT: Giá trị của giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán, bao gồm mệnh giá và tiền lãi

MG: Mệnh giá của giấy tờ có giá

L: Mức lãi suất theo phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu (%/năm)

t: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày)

Ls: Lãi suất phát hành của giấy tờ có giá (%/năm)

n: Kỳ hạn của giấy tờ có giá (năm).

c. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán gốc, lãi một lần khi đến hạn (lãi nhập gốc):

$$G = \frac{GT}{(1 + L)^{t/365}}$$

Trong đó:

$$GT = MG \cdot (1 + Ls)^n$$

G: Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá

GT: Giá trị của giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán bao gồm mệnh giá và tiền lãi;

MG: Mệnh giá của giấy tờ có giá

L: Mức lãi suất theo phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu (%/năm)

t: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày)

Ls: Lãi suất phát hành của giấy tờ có giá (%/năm)

n: Kỳ hạn của giấy tờ có giá (năm).

d. Đối với giấy tờ có giá dài hạn, thanh toán lãi định kỳ:

$$G = \sum_{LrT > 0} \frac{Ci}{\left(1 + \frac{L}{k}\right)^{(r \cdot k)/365}}$$

Trong đó:

G: Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá

C_i : Số tiền thanh toán lãi, vốn gốc lần thứ i (không bao gồm số tiền thanh toán lãi, gốc có ngày đăng ký cuối cùng hưởng lãi, gốc giấy tờ có giá trước ngày định giá).

i : Lần thanh toán lãi, gốc thứ i

L: Mức lãi suất theo phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu (%/năm)

T_i : Thời hạn tính từ ngày định giá đến ngày đến hạn thanh toán lãi, gốc lần thứ i (số ngày).

k : Số lần trả lãi định kỳ trong năm.

1.2. Giá thanh toán giữa Ngân hàng Nhà nước với thành viên xác định theo công thức sau:

$$G_{TT} = G * (1 - h)$$

Trong đó:

G_{TT} : Giá thanh toán

G: Giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá

h : Tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá và giá thanh toán.

1.3. Giá mua lại giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với các thành viên xác định theo công thức sau:

$$G_m = G_{TT} * \left(1 + \frac{L * tb}{365}\right)$$

Trong đó:

G_m : Giá mua lại

G_{TT} : Giá thanh toán

L: Mức lãi suất theo phương thức xét thầu đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu (%/năm)

tb: Thời hạn mua, bán (số ngày).

1.4. Quyền hưởng lãi định kỳ và các thu nhập khác (nếu có) từ giấy tờ có giá trong giao dịch mua, bán có kỳ hạn thuộc về Bên bán. Trong trường hợp Bên mua nhận được lãi định kỳ và các thu nhập khác (nếu có) tại (các) thời điểm nằm trong thời hạn của giao dịch mua, bán có kỳ hạn, Bên mua có trách nhiệm trả lại Bên bán số lãi định kỳ và các thu nhập khác (nếu có) đã nhận được tại ngày mua lại. Phần lãi định kỳ và các thu nhập khác (nếu có) từ giấy tờ có giá trong giao dịch mua, bán có kỳ hạn sẽ không được hưởng lãi trong thời gian Bên mua giữ hộ.

2. Trường hợp mua hần hoặc bán hần giấy tờ có giá:

Giá mua hẵn hoặc bán hẵn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với các thành viên được áp dụng như quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này.

Điều 20. Thông báo kết quả đấu thầu

1. Ngay trong ngày đấu thầu, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) thông báo kết quả đấu thầu cho từng thành viên tham gia đấu thầu qua mạng máy tính gồm một số nội dung cơ bản sau:

- a) Ngày đấu thầu;
- b) Khối lượng trúng thầu;
- c) Khối lượng không trúng thầu;
- d) Ngày mua/bán lại (trường hợp mua, bán có kỳ hạn);
- đ) Lãi suất trúng thầu;
- e) Số tiền thanh toán.

2. Thông báo kết quả đấu thầu là căn cứ để thực hiện việc thanh toán và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá trong trường hợp mua hẵn hoặc bán hẵn, đồng thời là căn cứ để lập Hợp đồng cụ thể trong trường hợp mua hoặc bán có kỳ hạn.

Điều 21. Hợp đồng khung mua/bán giấy tờ có giá và Hợp đồng cụ thể mua/bán có kỳ hạn giấy tờ có giá

1. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) và các thành viên ký Hợp đồng khung mua/bán giấy tờ có giá (Hợp đồng khung) và Hợp đồng cụ thể mua/bán có kỳ hạn giấy tờ có giá (Hợp đồng cụ thể) để thực hiện các giao dịch mua, bán giấy tờ có giá. Việc ký, giao, nhận Hợp đồng khung, Hợp đồng cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Quy trình nghiệp vụ thị trường mở.

2. Hợp đồng khung theo Phụ lục số 03/TTM đính kèm Thông tư này được ký sau khi Ngân hàng Nhà nước công nhận tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. Hợp đồng khung này áp dụng chung cho tất cả các giao dịch mua, bán giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và thành viên.

3. Hợp đồng cụ thể theo Phụ lục số 04/TTM đính kèm Thông tư này áp dụng đối với từng giao dịch mua, bán có kỳ hạn giữa Ngân hàng Nhà nước với thành viên và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng khung. Thành viên có trách nhiệm ký Hợp đồng cụ thể khi có thông báo kết quả đấu thầu.

4. Hợp đồng khung và Hợp đồng cụ thể là căn cứ thực hiện việc thanh toán và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với thành viên trong giao dịch mua, bán giấy tờ có giá.

Điều 22. Thanh toán và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá

1. Khi nhận được thông báo kết quả đấu thầu (đối với giao dịch mua/bán hẵn) hoặc Hợp đồng cụ thể (đối với giao dịch mua, bán có kỳ hạn) đã được các bên ký kết, Bên bán thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho

Bên mua theo quy định (trường hợp Bên bán là thành viên, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các thủ tục về chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo ủy quyền của thành viên tại Hợp đồng khung), đồng thời, Bên mua thanh toán tiền cho Bên bán ngay trong ngày đấu thầu.

2. Đối với giao dịch mua, bán có kỳ hạn, Bên mua và Bên bán sẽ thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá và thanh toán theo cam kết của các bên tại Hợp đồng cụ thể vào ngày kết thúc thời hạn của giao dịch.

Điều 23. Xử lý trường hợp các thành viên không ký Hợp đồng cụ thể, không thanh toán hoặc không thực hiện theo đúng cam kết

1. Trường hợp thành viên không ký Hợp đồng cụ thể trong giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá, Ngân hàng nhà nước sẽ hủy kết quả đấu thầu của thành viên.

2. Trường hợp thành viên trúng thầu mua giấy tờ có giá không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải thanh toán, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tự động trích tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên trúng thầu cho đủ số tiền phải thanh toán tương ứng với khối lượng trúng thầu của thành viên và thông báo cho thành viên biết. Trường hợp sau khi trích tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên vẫn không đủ số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) sẽ hủy phần kết quả trúng thầu chưa được thanh toán của thành viên; thứ tự ưu tiên từng loại giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

3. Trường hợp đến hạn phải thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá mà thành viên không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền mua lại giấy tờ có giá thì Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) tự động trích tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên cho đủ số tiền phải thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng cụ thể và thông báo cho thành viên biết. Trường hợp tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên không đủ tiền, Ngân hàng Nhà nước chuyển số tiền còn phải thanh toán của thành viên sang nợ quá hạn và thành viên phải chịu phạt nợ quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều này; đồng thời, Ngân hàng Nhà nước sẽ tạm giữ toàn bộ khối lượng giấy tờ có giá và sẽ tiếp tục trích tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên để thu hồi số tiền còn thiếu (gồm cả lãi nợ quá hạn) khi tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên có tiền và hoàn trả lại giấy tờ có giá cho thành viên khi đã thu hồi đủ số tiền còn thiếu hoặc Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét bán giấy tờ có giá khi chưa đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá, hoặc thanh toán với tổ chức phát hành khi đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá để thu hồi số tiền còn thiếu (gồm cả lãi nợ quá hạn).

4. Trường hợp đến ngày bán lại giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước mà thành viên không đủ giấy tờ có giá để bán lại theo đúng cam kết, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu thành viên bổ sung đủ số giấy tờ có giá còn thiếu để bán lại cho Ngân hàng Nhà nước. Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn bán lại giấy tờ có giá mà thành viên vẫn không đủ giấy tờ có giá bán lại cho Ngân hàng Nhà

nước thì Ngân hàng Nhà nước có quyền sử dụng đối với khoản tiền đã nhận được và không phải thanh toán số tiền lãi cho thành viên; Ngân hàng Nhà nước không mua lại giấy tờ có giá từ thành viên và chuyển từ bán có kỳ hạn sang bán hẳn giấy tờ có giá cho thành viên. Đồng thời, thành viên vẫn phải hoàn trả cho Ngân hàng Nhà nước các khoản lãi định kỳ và thu nhập khác (nếu có) theo quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều 19 Thông tư này trong thời hạn giao dịch bán có kỳ hạn.

5. Số tiền phạt nợ quá hạn tại khoản 3 Điều này được tính theo công thức sau:

$$P = G_p * L_p * \frac{n_p}{365}$$

Trong đó:

G_p : Số tiền còn phải thanh toán

L_p : Lãi suất quá hạn (Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trúng thầu tại Hợp đồng cụ thể)

n_p : Số ngày nợ quá hạn. Số ngày nợ quá hạn được tính từ ngày đến hạn thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá đến ngày tính số tiền phạt nợ quá hạn.

6. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) có văn bản thông báo cho thành viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.

Điều 24. Tạm ngừng giao dịch mua, bán giấy tờ có giá

Ngân hàng Nhà nước tạm ngừng giao dịch mua, bán giấy tờ có giá với thành viên trong 3 phiên giao dịch kế tiếp trong các trường hợp sau:

1. Thành viên không ký Hợp đồng cụ thể trong giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá.

2. Thành viên không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải thanh toán khi trúng thầu mua giấy tờ có giá, khi đến hạn mua lại giấy tờ có giá hoặc thành viên không đủ giấy tờ có giá để bán lại theo đúng cam kết từ lần thứ hai trở đi, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng và thành viên có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch).

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁴

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định danh mục các loại giấy tờ có giá được giao dịch, tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá với giá thanh toán qua nghiệp vụ thị trường mở trong từng thời kỳ;

b)⁵ Đề xuất và trình Trường Ban điều hành quyết định về loại giấy tờ có giá mua/bán, khối lượng mua/bán, phương thức mua/bán, phương thức đấu thầu, phương thức xét thầu, thời hạn mua/bán và lãi suất áp dụng khi mua/bán giấy tờ có giá; thông báo cho Sở giao dịch các nội dung trên sau khi được Trường Ban điều hành phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trình Thống đốc ban hành Quyết định về tổ chức và hoạt động Ban điều hành nghiệp vụ thị trường mở.

2. Sở Giao dịch

a) Chủ trì xây dựng và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy trình nghiệp vụ thị trường mở phù hợp với quy định tại Thông tư này;

b) Theo dõi, xem xét, công nhận tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, chấm dứt tư cách thành viên và phân quyền giao dịch cho các nhân sự của thành viên;

c) Thực hiện ký, giao, nhận Hợp đồng khung, Hợp đồng cụ thể với thành viên và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp không thực hiện đúng Hợp đồng khung và Hợp đồng cụ thể;

⁴ Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 09/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có hiệu lực kể từ ngày 25/8/2021 quy định như sau:

“Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 08 năm 2021./.”

⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 09/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có hiệu lực kể từ ngày 25/8/2021.

d)⁶ Tổ chức thực hiện phiên giao dịch mua, bán giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với các thành viên theo phê duyệt của Trưởng Ban điều hành; thực hiện đăng tải thông báo bán (phát hành) tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

đ) Thực hiện việc thanh toán, thu lãi (bao gồm cả lãi quá hạn) và hạch toán kế toán theo quy định;

e) Thực hiện các thủ tục về chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với thành viên;

g) Sau mỗi phiên giao dịch nghiệp vụ thị trường mở, Sở Giao dịch thực hiện báo cáo kết quả nghiệp vụ thị trường mở cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Trưởng ban điều hành nghiệp vụ thị trường mở và Vụ Chính sách tiền tệ; đối với các đơn vị khác, việc cung cấp thông tin về kết quả nghiệp vụ thị trường mở được thực hiện sau khi có sự đồng ý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

h) Đầu mối xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch nghiệp vụ thị trường mở.

3. Cục Công nghệ tin học

a) Đầu mối, phối hợp với Sở Giao dịch và các đơn vị liên quan thiết kế xây dựng chương trình phần mềm, cài đặt chương trình phần mềm, thực hiện việc bảo dưỡng, bảo trì định kỳ chương trình phần mềm và đảm bảo hạ tầng mạng giao dịch và truyền thông cho nghiệp vụ thị trường mở hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn và bảo mật; Hướng dẫn thành viên kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước để thực hiện giao dịch nghiệp vụ thị trường mở;

b) Hướng dẫn việc cấp và thu hồi mã khóa truy cập, mã khóa ký chữ ký điện tử cho thành viên.

4. Vụ Tài chính - Kế toán

Hướng dẫn hạch toán kế toán đối với các giao dịch thuộc nghiệp vụ thị trường mở và các vấn đề phát sinh khác.

5. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

Cung cấp tên các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia tách, giải thể và phá sản cho Sở Giao dịch và Cục Công nghệ tin học.

6. Vụ Tổ chức cán bộ

Đầu mối, phối hợp với các đơn vị trình Thống đốc Quyết định về thành lập Ban điều hành nghiệp vụ thị trường mở.

⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 09/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở, có hiệu lực kể từ ngày 25/8/2021.

Điều 26. Trách nhiệm của thành viên

1. Trước khi tham gia nghiệp vụ thị trường mở thành viên phải kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước và tự chịu trách nhiệm đảm bảo về nhân sự, kỹ thuật, công nghệ, phương tiện trong quá trình giao dịch.

2. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/ 4 /2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 01/2007/QĐ-NHNN ngày 05/01/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế nghiệp vụ thị trường mở;

b) Quyết định số 27/2008/QĐ-NHNN ngày 30/9/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nghiệp vụ thị trường mở ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-NHNN ngày 05/01/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Điều 2 Thông tư số 26/2011/TT-NHNN ngày 31/08/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động tiền tệ theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Điều 12 của Quyết định số 362/1999/QĐ-NHNN1 ngày 08/10/1999 về việc ban hành Quy chế phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.

Điều 28. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được công nhận là thành viên theo quy định tại Quyết định số 01/2007/QĐ-NHNN ngày 05/01/2007 và Quyết định số 27/2008/QĐ-NHNN ngày 30/9/2008 vẫn tiếp tục là thành viên theo quy định tại Thông tư này mà không phải thực hiện việc đăng ký lại tư cách thành viên.

2. Các giao dịch đã thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành trên cơ sở các hợp đồng mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá đã ký giữa Ngân hàng Nhà nước và các thành viên thì tiếp tục thực hiện theo đúng thỏa thuận đã ký.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NH NƯỚC NGOÀI**
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
THAM GIA NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Sở Giao dịch)

Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
Địa chỉ
Điện thoại FAX:.....
Mã ngân hàng:.....
SWIFT CODE :.....
Tài khoản thanh toán VND số:..... tại

Chúng tôi xin đăng ký tham gia nghiệp vụ thị trường mở tại Ngân hàng Nhà nước. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy công nhận thành viên nghiệp vụ thị trường mở, chúng tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định tại Thông tư quy định nghiệp vụ thị trường mở.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký tên, đóng dấu)

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NH NƯỚC NGOÀI**
Số:.....

**PHỤ LỤC SỐ 02/TTM
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Chấm dứt tư cách thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở

Kính gửi: Ngân hàng nhà nước Việt Nam
(Sở Giao dịch)

Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:.....
Địa chỉ
Điện thoạiFAX:.....
Mã ngân hàng:.....
SWIFT CODE :.....
Tài khoản thanh toán VND số :..... tại

Chúng tôi đề nghị Ngân hàng Nhà nước cho phép chấm dứt tư cách thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KHUNG MUA/BÁN GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Số:...../HĐK
Ngày.....tháng.....năm

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội XI của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Thông tư số ngày quy định về nghiệp vụ thị trường mở;
- Căn cứ Quyết định số ngày của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về danh mục các loại giấy tờ có giá, tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá và giá thanh toán;

Bên A: (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....FAX:.....E-mail:.....

Tài khoản thanh toán VND số:..... tại.....

Bên B: (Thành viên).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....FAX:.....E-mail:.....

Tài khoản thanh toán VND số:..... tại.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp Đồng Khung mua, bán giấy tờ có giá (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Hợp đồng này là Hợp đồng khung, áp dụng chung đối với tất cả các giao dịch mua, bán giấy tờ có giá theo quy định tại Thông tư quy định về nghiệp vụ thị trường mở giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và(tên thành viên) là thành viên nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 2. Thực hiện giao dịch

1. Giao dịch mua, bán giấy tờ có được thực hiện qua máy tính nối mạng giữa Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) và(tên thành viên) theo chương trình phần mềm nghiệp vụ thị trường mở do Ngân hàng Nhà nước cung cấp.

2. Đối với giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá: Sau khi có thông báo kết quả đấu thầu của Ngân hàng Nhà nước, Bên mua và Bên bán xác nhận giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá bằng việc ký Hợp đồng cụ thể với các nội dung cơ bản sau:

a) Bên bán;

b) Bên mua;

c) Thông tin về giấy tờ có giá mua, bán: mã số, ngày phát hành, lãi suất phát hành trên thị trường sơ cấp, định kỳ thanh toán lãi (nếu có), ngày đến hạn thanh toán, khối lượng giấy tờ có giá;

d) Giá mua lại;

đ) Thời hạn bán;

e) Mức lãi suất đơn giá hoặc đa giá (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng);

g) Ngày mua lại;

h) Lãi suất quá hạn.

3. Đối với giao dịch mua, bán hần giấy tờ có giá: Sau khi có thông báo kết quả đấu thầu của Ngân hàng Nhà nước, Bên mua và Bên bán thực hiện thanh toán và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo thông báo kết quả đấu thầu.

4. Tất cả các khoản thanh toán giữa các bên được thực hiện bằng đồng Việt Nam và được chuyển vào tài khoản của các bên nêu trong Hợp đồng này. Việc thanh toán và chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư quy định về nghiệp vụ thị trường mở, Quy trình nghiệp vụ thị trường mở và cam kết tại Hợp đồng này.

Điều 3. Thỏa thuận của các bên

Hai bên ký Hợp đồng này thỏa thuận:

1. Tuân thủ các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Người đại diện cho mỗi bên ký kết Hợp đồng này là đại diện hợp pháp của mỗi bên.

3. Bên bán có đầy đủ quyền để chuyển quyền sở hữu các giấy tờ có giá cho Bên mua vào thời điểm chuyển quyền sở hữu và Bên mua sẽ có tất cả các quyền và lợi ích đối với giấy tờ có giá đó và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ nghĩa vụ nợ, các khoản phí hay những nghĩa vụ khác. Trường hợp Bên bán là thành viên sẽ ủy quyền cho Ngân hàng Nhà nước thực hiện thủ tục về chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá theo quy định.

4. Thành viên chấp thuận để Ngân hàng Nhà nước trích tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của thành viên để thanh toán số tiền trúng thầu mua giấy tờ có giá hoặc thanh toán tiền mua lại giấy tờ có giá trong trường hợp thành viên không thực hiện thanh toán theo thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Thông tư quy định về nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 4. Xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm các cam kết tại Hợp đồng này được xử lý theo quy định của Thông tư quy định về nghiệp vụ thị trường mở và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trường hợp bất khả kháng

1. Các bên sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến các quy định trong Hợp đồng này khi xảy ra các sự cố mà hậu quả ngoài tầm kiểm soát của các bên như: chiến tranh, bạo động, thiên tai, đình công,... và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngay sau khi xảy ra các sự cố nêu tại khoản 1 Điều này, bên bị ảnh hưởng bởi nguyên nhân bất khả kháng thông báo bằng văn bản cho bên kia để trao đổi và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này.

Điều 6. Thông báo và liên lạc

1. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên quan tới Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi qua chương trình phần mềm nghiệp vụ thị trường mở, hoặc gửi bằng thư điện tử, hoặc fax, hoặc chuyển tay, hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ của các bên đề cập ở phần đầu của Hợp đồng này.

2. Các thông báo và liên lạc được xác định là đã được nhận trong trường hợp:

- Ngay sau khi gửi qua chương trình phần mềm nghiệp vụ thị trường mở, gửi bằng thư điện tử hoặc fax (với điều kiện người gửi nhận được bản xác nhận đã gửi);

- Người nhận nhận được văn bản trong trường hợp chuyển qua đường bưu điện, nhưng không quá 7 ngày làm việc sau khi gửi cho người nhận;

- Ngay thời điểm chuyển trong trường hợp văn bản được chuyển tay trong giờ làm việc.

3. Mỗi bên phải thông báo cho bên kia khi có thay đổi địa chỉ, điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử.

Điều 7. Chuyển nhượng

Không bên nào được chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia. Việc thực hiện Hợp đồng này là quyền lợi và nghĩa vụ bắt buộc đối với bên kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ.

Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này tự động chấm dứt hiệu lực khi Bên B chấm dứt tư cách thành viên nghiệp vụ thị trường mở và Bên B đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Ngân hàng Nhà nước trong các giao dịch nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 9. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết các bên thoả thuận giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trường hợp thương lượng, hoà giải không thành, một trong các bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Toà án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam. Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án sẽ có giá trị ràng buộc đối với các bên và các bên có nghĩa vụ phải thi hành. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí và phí luật sư.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

ĐẠI DIỆN BÊN B

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

HỢP ĐỒNG CỤ THỂ

Hợp đồng cụ thể này được lập vào ngày....tháng.... năm bởi và giữa:

Bên A: (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....FAX:.....E-mail:.....

Tài khoản thanh toán VND số:.....mở tại.....

Bên B: (Thành viên).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....FAX:.....E-mail:.....

Tài khoản thanh toán VND số:..... tại.....

Căn cứ vào quy định của Hợp đồng khung mua/bán giấy tờ có giá số ... ngày ...tháng...năm (Hợp đồng khung), hai bên thỏa thuận, thống nhất ký kết Hợp đồng cụ thể với các điều kiện và điều kiện như sau:

Điều 1. Căn cứ Thông báo kết quả đấu thầu số.... ngày..... của Ngân hàng Nhà nước,(Bên bán) đồng ý bán các giấy tờ có giá dưới đây cho(Bên mua) với giá là (số tiền ghi theo giá thanh toán) trong thời hạn(số ngày).(Bên bán) có trách nhiệm chuyển quyền sở hữu các giấy tờ có giá cho(Bên mua), đồng thời(Bên mua) có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền mua các giấy tờ cho(Bên bán) vào ngày(ngày mua)(Bên bán) cam kết mua lại các giấy tờ có giá trên với giá mua lại là (số tiền) vào ngày mua lại.(Bên mua) có trách nhiệm chuyển quyền sở hữu lại toàn bộ các giấy tờ có giá trên cho(Bên bán), đồng thời(Bên bán) có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền mua lại các giấy tờ có giá vào ngày..... (ngày mua lại). Cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số giấy tờ có giá (tên, hình thức phát hành, hình thức trả lãi, kỳ hạn)	Khối lượng giấy tờ có giá trúng thầu (đồng)		Giá mua lại (đồng)	Thời hạn bán (ngày)	Mức lãi suất trúng thầu trong giao dịch mua/bán có kỳ hạn (%/năm)	Lãi suất phát hành trên thị trường sơ cấp của giấy tờ có giá	Ngày phát hành của giấy tờ có giá	Định kỳ thanh toán lãi (đối với giấy tờ có giá thanh toán lãi định kỳ)	Ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá	Ngày mua lại
	Theo mệnh giá	Theo số tiền thanh toán								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Trường hợp thành viên bán và cam kết mua lại giấy tờ có giá không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước vào ngày

mua lại thì phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước với mức là..... %/năm tính trên số tiền còn thiếu và số ngày chậm thanh toán.

Điều 2. Hợp đồng cụ thể này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng khung.

Hợp đồng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi thành viên hoàn thành đầy đủ các cam kết ở Điều 1 của Hợp đồng này.

Hợp đồng cụ thể này cùng với Hợp đồng khung tạo thành một thỏa thuận hoàn chỉnh giữa hai bên.

Hợp đồng cụ thể này được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Ngày tháng..... năm

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(Ký duyệt chữ ký điện tử)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Ký duyệt chữ ký điện tử)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: *09* /VBHN-NHNN

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày *16* tháng *7* năm 2021

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC** *D*



Đoàn Thái Sơn